

Bản án số:136/2024/HSST

Ngày:26/08/2024

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PY, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh.

2. Ông Đồng Văn Thành.

- *Thư ký phiên tòa:*Ông Cao Văn Chiến-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Phương Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 26/08/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 07 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/QĐXX-STngày 14/08/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 tại PY; trú tại: Tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân B và bà Lê Thị M; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, vợ chồng bị cáo có hai con chung (Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ,tạm giam từ ngày 02/02/2024 đến nay, hiện bị cáo đAg bị tạm giam tại Trại tạm giam Công A tỉnh Thái Nguyên (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Đàm Văn D, sinh năm 1977 tại PY; trú tại: Tổ dân phố Kim Tĩnh, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Đàm Văn Bảng và Lê Thị Hồng; có vợ là Trịnh Thị Hào, vợ chồng bị cáo có hai con chung (Con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2024 đến nay, hiện đAg bị tạm giam tại Trại tạm giam Công A tỉnh Thái Nguyên (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố HT, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố TT, phường ĐT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Lương Uy T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố TH, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1947 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

**Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Trần Thị Yên H, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 02/02/2024, tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế-Ma túy, Công An thành phố PY phối hợp với Công An phường TT, thành phố PY tiến hành tuần tra kiểm soát tại khu vực tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên, phát hiện tại chỗ ở của Nguyễn Văn N thuộc tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY có một số đối tượng tụ tập có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Khi tổ công tác đến kiểm tra thì phát hiện tại sân nhà của Nguyễn Văn N có 03 đối tượng, gồm: Nguyễn Văn N; Nguyễn Xuân B (là bố đẻ của N); Nguyễn Thị T (là vợ của N); phát hiện tại ngôi nhà cấp bốn bên pH theo hướng đi từ cổng vào có 04 đối tượng N giới, gồm: Đàm Văn D (sinh năm 1977; trú tại: Tổ dân phố Kim Tĩnh, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên); Lê Văn H (sinh năm 1974; trú tại tổ dân phố HT, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên); Nguyễn Đức A (sinh năm 1973; trú tại tổ dân phố TT, phường ĐT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên) và Lương Uy T (sinh năm 1977; trú tại tổ dân phố TH, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên).

Tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Xuân B, tổ công tác phát hiện trong túi áo khoác bên trái đAg mặc có 01 gói giấy bạc, bên trong có chứa chất rắn dạng bột màu trắng hồng (niêm phong ký hiệu A4); theo Bình khai nhận số chất rắn dạng bột màu trắng hồng trên là thuốc điều trị bệnh, không pH ma túy. Tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Thị T, tổ công tác phát hiện trong túi quần phía trước bên trái Thành đAg mặc có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng

(niêm phong ký hiệu Đ4) và số tiền 4.300.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) (niêm phong ký hiệu T7). Tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Văn N, tổ công tác phát hiện số tiền 8.350.000 đồng (*Tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) trong túi quần phía trước bên pH N đAg mặc (niêm phong ký hiệu T1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đỏ trong túi quần phía trước bên trái đAg mặc (niêm phong ký hiệu Đ) và số tiền 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*) trong túi quần đằng sau bên pH đAg mặc (niêm phong ký hiệu T2).

Tiến hành kiểm tra đối với Lê Văn H, tổ công tác phát hiện số tiền 262.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) trong túi áo phía trước bên trái đAg mặc (niêm phong ký hiệu T3); phát hiện trong túi quần phía trước bên trái đAg mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (niêm phong ký hiệu Đ1), bên trong nắp lưng điện thoại có 01 mảnh giấy bạc bám dính vật chất màu đen (niêm phong ký hiệu A). Tiến hành kiểm tra đối với Đàm Văn D, tổ công tác phát hiện số tiền 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) trong túi áo khoác phía trước bên trái đAg mặc (niêm phong ký hiệu T4); phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen trong túi quần phía trước bên trái đAg mặc (niêm phong ký hiệu Đ3); phát hiện số tiền 25.000 đồng (*Hai mươi lăm nghìn đồng*) trong túi quần đằng sau bên pH đAg mặc (niêm phong ký hiệu T5). Kiểm tra xung quanh nơi bắt giữ D, tổ công tác phát hiện trên mặt bàn bếp trong ngôi nhà cấp bốn có 01 cục chất rắn màu trắng đục và 01 mảnh giấy bạc (niêm phong ký hiệu A3). Theo D khai nhận cục chất rắn màu trắng đục trên là chất ma túy loại Heroine, mảnh giấy bạc là giấy gói ma túy; số ma túy trên D vừa mua của Nguyễn Văn N với số tiền 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) để sử dụng cho bản thân; khi chuẩn bị sử dụng thì Cơ quan Công An đến kiểm tra, D đã vứt ma túy và mảnh giấy gói lên mặt bàn bếp trong ngôi nhà cấp bốn của N. Tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Đức A, tổ công tác phát hiện số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong túi quần đằng sau bên pH đAg mặc (niêm phong ký hiệu T6); phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone X, màu trắng trong túi quần đằng trước bên trái đAg mặc (niêm phong ký hiệu Đ2). Kiểm tra xung quanh vị trí nơi A ngồi, tổ công tác phát hiện trên nền nhà có 01 gói giấy bạc bên trong bám dính vật chất màu đen (niêm phong ký hiệu A2); theo A khai nhận gói giấy bạc trên là gói ma túy Heroine A mua của Nguyễn Văn N với số tiền 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), sau khi mua được ma túy, A đã mở gói ma túy trên, dùng bật lửa hơi nóng gói giấy bạc và sử dụng hết số ma túy Heroine mua của N trong ngôi nhà cấp bốn của N. Tiến hành kiểm tra đối với Lương Uy T, T khai nhận có cất giấu ma túy và tự lấy từ trong túi quần phía trước bên pH đAg mặc ra 01 gói giấy bạc, bên trong có chứa chất rắn dạng cục màu trắng đục giao nộp cho tổ công tác (niêm phong ký hiệu A1). Theo T khai nhận số chất rắn dạng cục màu trắng đục trên là chất ma túy loại Heroine của T vừa mua được từ Nguyễn Văn N, ngoài ra T còn mua được của Nguyễn Văn N 01 đoạn ống hút có chứa ma túy hồng phiến cùng với số ma túy Heroine trên với số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sử dụng cho bản thân, số ma túy hồng phiến T đã pha vào xi lanh và nước cất để sử

dụng. Tiếp tục kiểm tra xung quanh vị trí bắt giữ T, tổ công tác phát hiện trên nền nhà cấp bốn có 01 xi lanh chứa dung dịch màu hồng (niêm phong ký hiệu A5) và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng, đã qua sử dụng, bên trong không chứa gì (niêm phong ký hiệu A6). Theo T khai nhận đây là xi lanh chứa ma túy hồng phiến pha với nước cất của T để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng và đoạn ống hút màu trắng là đoạn ống hút chứa ma túy hồng phiến T vừa mua của N trước đó. Ngoài ra, Đàm Văn D, Lê Văn H, Nguyễn Đức A, mỗi người còn tự giao nộp cho Cơ quan Công An 01 chiếc bật lửa ga, đã qua sử dụng (niêm phong ký hiệu B, B1, B2); theo D, H, A khai nhận số bật lửa trên là công cụ các đối tượng dùng để sử dụng ma túy. Sau đó, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn N, Đàm Văn D, Lương Uy T, thu giữ, niêm phong vật chứng để giải quyết theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thành phố PY đã tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn N tại tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình khám xét đã phát hiện, thu giữ: 61 (sáu mươi mốt) mảnh giấy bạc trên nắp thùng sơn kê sát tường của nhà kho sát với nhà cấp bốn; 80 (tám mươi) ống nước cất chưa qua sử dụng tại ngăn tủ kê trong nhà bếp; 09 (chín) đoạn ống nhựa, một đầu được dán kín tại giá gỗ để trên bàn kê ở gầm cầu thang tầng 1 của ngôi nhà (tất cả được niêm phong ký hiệu NC); 66 (sáu mươi sáu) xi lanh chưa qua sử dụng tại ngăn tủ kê trong nhà bếp (niêm phong ký hiệu XL). Theo N khai nhận những đồ vật trên được N sử dụng để phục vụ việc tiêm thuốc cho mẹ đẻ của N trong quá trình điều trị bệnh tại nhà.

Ngày 03/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thành phố PY tiến hành test nhanh xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy đối với Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân B, Đàm Văn D, Lê Văn H, Nguyễn Đức A và Lương Uy T. Kết quả: Nguyễn Văn N dương tính với MET, AMP, OPI; Nguyễn Xuân B, Đàm Văn D, Lê Văn H, Nguyễn Đức A đều dương tính với OPI; Lương Uy T dương tính với MET, OPI.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thành phố PY đã phối hợp với Phòng Kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong, cân khối lượng toàn bộ số chất rắn dạng cục màu trắng đục thu giữ của Lương Uy T (niêm phong ký hiệu A1), được 0,052 gam, cho toàn bộ vào phong bì ký hiệu M1 gửi giám định; mở niêm phong, cân khối lượng toàn bộ số chất rắn dạng cục màu trắng đục thu giữ của Đàm Văn D (niêm phong ký hiệu A3), được 0,112 gam, cho toàn bộ vào phong bì ký hiệu M2 gửi giám định; mở niêm phong, cân khối lượng toàn bộ số chất rắn dạng bột màu trắng hồng thu giữ của Nguyễn Xuân B (niêm phong ký hiệu A4), được 0,013 gam, cho toàn bộ vào phong bì ký hiệu M3 gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số: 342/KL-KTHS ngày 10/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chất rắn dạng cục màu trắng đục trong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là 0,052 gam; Chất rắn dạng cục màu trắng đục trong bì

niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là chất ma túy loại Heroine, khối lượng là 0,112 gam; Chất rắn dạng bột màu trắng hồng trong bì niêm phong ký hiệu M3 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là 0,013 gam.

Tại Kết luận giám định số 1032/KL-KTHS ngày 23/02/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Không tìm thấy các chất ma túy trên bề mặt mảnh giấy bạc (niêm phong ký hiệu A) gửi giám định; Tìm thấy chất ma túy Heroine trên bề mặt mảnh giấy bạc (niêm phong ký hiệu A2) gửi giám định; Tìm thấy chất ma túy Heroine, Methamphetamine trong chất lỏng màu hồng (niêm phong ký hiệu A5) gửi giám định. Thể tích chất lỏng là 0,4 ml. Nồng độ, khối lượng chất ma túy Heroine, Methamphetamine lần lượt là 21,03 mg/ml và 0,89 mg/ml, 0,0084 gam và 0,0003 gam.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn N khai: Vào khoảng hơn 17 giờ 30 phút ngày 02/02/2024, Nguyễn Đức A đến nhà N ở tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY để mua ma túy sử dụng cho bản thân. Khi A vào trong ngôi nhà cấp bốn bên phải theo hướng đi từ cổng vào thì gặp N, A hỏi mua của N 01 gói ma túy Heroine với số tiền 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), N đồng ý. A đưa cho N 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), N cầm tiền rồi đưa cho A 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy Heroine và yêu cầu A không mang ma túy về mà phải sử dụng ma túy tại nhà N. Sau khi đưa ma túy cho A, N đi ra ngoài cảnh giới và đóng cửa lại để A sử dụng ma túy trong nhà N. Đến khoảng hơn 17 giờ 45 phút ngày 02/02/2024, khi N đang cảnh giới ở cổng thì Lê Văn H đi đến nhà N. Khi đến nơi, H đi vào ngôi nhà cấp bốn bên phải từ cổng vào, N cũng đi vào theo. Tại đây, H hỏi mua của N 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) ma túy loại Heroine thì N đồng ý. H đưa cho N một tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), N cầm tiền rồi đưa cho H 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy Heroine. N yêu cầu H sử dụng ma túy tại nhà N xong thì mới được về, sau đó H đi ra ngoài cảnh giới để H sử dụng ma túy. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 02/02/2024, Lương Uy T và Đàm Văn D cũng đến nhà N. Khi đến nơi, T và D đi vào ngôi nhà cấp bốn phía bên phải từ cổng vào, lúc này A và H đang sử dụng ma túy bên trong nhà của N. T hỏi mua ma túy Heroine và hồng phiến của N với số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) trong đó 100.000 đồng ma túy loại Heroine và 50.000 đồng ma túy loại hồng phiến, thì N đồng ý. T đưa cho N 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) trong đó 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) là tiền mua ma túy Heroine và hồng phiến ngày 02/02/2024 còn 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) là tiền T nợ N khi mua ma túy trước ngày 02/02/2024. N nhận tiền rồi đưa cho T 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy loại Heroine, 01 đoạn ống hút màu trắng bên trong có chứa ma túy hồng phiến. Sau đó D hỏi mua của N 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) tiền ma túy Heroine, N đồng ý, D đưa cho N 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), N cầm tiền rồi đưa cho D 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy Heroine. Khi N bán ma túy cho D thì T cũng có mặt tại đó và nhìn thấy, N yêu

cầu T và D phải sử dụng ma túy tại nhà N. Khi N đi ra ngoài cảnh giới thì lực lượng Công An đến kiểm tra, phát hiện và thu giữ vật chứng.

Đàm Văn D khai: Vào khoảng 18 giờ ngày 02/02/2024, D cùng Lương Uy T đi đến nhà Nguyễn Văn N thuộc tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, mục đích mua ma túy để sử dụng. Khi đến nhà N, D và T đi vào bên trong gian nhà cấp bốn phía bên phải hướng từ cổng vào thì D thấy bên trong nhà có N, Lê Văn H và Nguyễn Đức A. D thấy A và H đang sử dụng ma túy loại Heroine bằng hình thức đốt Heroine thành khói hít vào cơ thể. T đi vào trong gian nhà trước rồi mua ma túy của N, cụ thể mua bao nhiêu thì D không biết, sau đó D hỏi mua của N 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) tiền ma túy Heroine thì N đồng ý. D đưa cho N tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), N cầm tiền rồi đưa cho D 01 gói giấy bạc, bên trong có chứa chất rắn dạng cục màu trắng đục là ma túy loại Heroine. Do N không cho mang ma túy ra khỏi nhà N mà pH sử dụng hết ma túy tại chỗ ở của N nên D mở gói ma túy vừa mua được ra chuẩn bị sử dụng bằng cách đốt cháy ma túy thì lực lượng Công An đến kiểm tra, vì hoảng sợ nên D đã vứt gói ma túy vừa mua được lên mặt bàn bếp trong giA nhà cấp bốn cạnh vị trí D đứng. Khi Cơ quan Công an kiểm tra D, D đã tự nguyện chỉ vị trí D vứt ma túy cho Cơ quan Công An, sau đó Cơ quan Công An đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng để giải quyết.

Ngoài ra, Nguyễn Văn N và Đàm Văn D khai nhận: Trước ngày 02/02/2024 (N và D không nhớ ngày, tháng cụ thể), D mua ma túy loại Heroine và Hồng phiến của N với số tiền 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) và sử dụng ma túy tại nhà của N thuộc tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY do N yêu cầu D sử dụng ma túy tại nhà của N.

Nguyễn Văn N và Lương Uy T cũng khai nhận: Vào sáng ngày 02/02/2024, T đến nhà N hỏi mua ma túy loại Heroine và hồng phiến, N đồng ý bán cho T với giá 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) gồm 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) ma túy Heroine và 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) ma túy hồng phiến. Do T chỉ có 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) nên T nợ lại N 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*). Sau đó, N yêu cầu T sử dụng ma túy ngay tại giA nhà cấp bốn của N tại tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, sau khi sử dụng ma túy xong thì T đi về. Đến chiều ngày 02/02/2024, T tiếp tục đến nhà N mua ma túy loại Heroine và hồng phiến với giá 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sử dụng, T đưa cho N 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), trong đó có số tiền 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) tiền mua ma túy T nợ N vào buổi sáng ngày 02/02/2024.

Lê Văn H, Nguyễn Đức A, Lương Uy T đều xác định ngày 02/02/2024, H, A, T đến nhà Nguyễn Văn N mục đích mua ma túy để sử dụng. Khi đến nhà N, H mua của N 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) ma túy Heroine, A mua của N 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) ma túy Heroine, D mua của N 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) ma túy Heroine và 50.000 đồng (*Năm*

mười nghìn đồng) ma túy hồng phiến. Sau khi bán ma túy cho H, A, T, N yêu cầu H, A, T sử dụng ma túy tại gia nhà cấp bốn của N. H, A sử dụng ma túy tại nhà của N bằng cách dùng bật lửa ga hơ mặt dưới gói giấy bạc để Heroine cháy thành khói rồi hít vào cơ thể, khi sử dụng ma túy xong, H cho mảnh giấy bạc vào nắp lưng điện thoại rồi cất vào trong người còn A thì vút gói giấy bạc xuống nền nhà. T sau khi mua được ma túy thì cất gói Heroine vào trong túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi lấy xi lanh, nước cất đã mua từ trước và đổ hết ma túy hồng phiến vào xi lanh pha với nước cất, khi T chuẩn bị lấy ma túy Heroine ra pha vào xi lanh để sử dụng thì lực lượng Công An đến kiểm tra, phát hiện và thu giữ vật chứng như nêu ở trên.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn N và Đàm Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Cáo trạng số: 118/CT- VKSPY ngày 24/07/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b,c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b,d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Đàm Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn. Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên qua điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo Đàm Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính:

+ Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, Điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn N từ 08 đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b,d khoản 2 Điều 256, Điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn N từ 08 đến 09 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo **Nguyễn Văn N** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 16 đến 18 năm tù.

+Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Đàm Văn D** từ 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo D.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu M1 chứa 0,038 gam mẫu M1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M2 chứa 0,091 gam mẫu M2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M3 chứa vỏ bao gói mẫu M3; 03 phong bì niêm phong ký hiệu L1, L2, L3 bên trong chứa mẫu lưu kho; 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 1032/KL-KTHS; 01 phong bì ký hiệu A6 chứa

01 ống nhựa được dán kín một đầu; 03 phong bì ký hiệu B, B1, B2 chứa 02 chiếc bật lửa màu đỏ và 01 chiếc bật lửa màu xanh; 01 hộp giấy ký hiệu NC, bên trong có: 61 (sáu mươi một) mảnh giấy bạc, 80 (tám mươi) ống nước cất chưa qua sử dụng, 09 (chín) đoạn ống nhựa, một đầu được dán kín; 01 hộp giấy ký hiệu XL, bên trong có 66 (sáu mươi sáu) xi lanh chưa qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo N: 01 phong bì niêm phong ký hiệu D, bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đỏ, số IMEI 1: 810251600076656, số IMEI 2: 810252600076654;

Trả lại cho bị cáo D: 01 phong bì niêm phong ký hiệu ĐT3, bên trong có 01 điện thoại di động Nokia, model 1280, màu đen, số IMEI: 354581/05/728772/5, lắp sim số 0364.046.515;

Tạm giữ số 7.870.000 đồng thu giữ của N để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ của bị cáo D số tiền 125.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng);

Về án phí: Buộc các bị cáo N, D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về nộp ngân sách nhà nước.

Phản tranh luận: Các bị cáo nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì.

Nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến: Tại phiên tòa ông H, ông A, ông T đều vắng mặt, ông Tiến, bà Hà, ông Quý vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đều đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử tiếp tục xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản phạm tội quả

tang, vật chứng thu giữ được, Kết luận giám định chất ma túy. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định: Do hám lợi nên từ 17 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút ngày 02/02/2024, tại nhà ở của Nguyễn Văn N thuộc tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn N đã có hành vi bán ma túy loại Heroine và Methamphetamine cho các đối tượng để sử dụng cho bản thân và yêu cầu các đối tượng sử dụng ma túy tại nhà của N. Cụ thể: N đã bán 0,112 gam ma túy loại Heroine cho Đàm Văn D (với giá 100.000 đồng); bán 0,0607 gam ma túy (Trong đó có 0,0604 gam ma túy loại Heroine và 0,0003 gam ma túy loại Methamphetamine) cho Lương Uy T (với giá 150.000 đồng); bán ma túy loại Heroine cho Nguyễn Đức A, Lê Văn H (đều với giá 100.000 đồng); tuy nhiên A và H đã sử dụng hết số ma túy Heroine mua của N tại nhà của N còn số ma túy loại Methamphetamine T đã pha vào nước cất để sử dụng. Đàm Văn D đã có hành vi tàng trữ 0,112 gam ma túy loại Heroine và Lương Uy T đã có hành vi tàng trữ 0,0607 gam ma túy loại Heroine và Methamphetamine để sử dụng cho bản thân chưa kịp sử dụng số ma túy mua của N thì bị Công A thành phố PY bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Như vậy hành vi, ý thức nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b,c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b,d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đàm Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY, truy tố bị cáo Nguyễn Văn N và Đàm Văn D theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên...”

“Điều 256. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Đối với 02 người trở lên...”

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam...”

[4]. Xét tính chất vụ án: Nguyễn Văn N phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng; Đàm Văn D phạm tội có tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, làm kiệt quệ kinh tế, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, là nguyên nhân mắc căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và làm phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Do vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và đề răn đe, phòng ngừa chung.

Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ được việc làm của mình là sai trái, tuy nhiên bị cáo N do hám lời, muốn kiếm tiền một cách nhàn hạ mà không phải từ lao động chân chính nên đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội để có tiền sử dụng ma túy. Bị cáo D do thiếu tu dưỡng dẫn đến mắc nghiện ma túy nên đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt thấy: Các bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, do không chịu tu dưỡng, rèn luyện nên đã mắc nghiện ma túy. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy bị cáo N phạm tội rất nghiêm trọng, bị cáo D phạm tội nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần pH cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới có thể cải tạo các bị cáo thành người tốt được và cũng để răn đe phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N phạm tội nhằm mục đích vụ lợi nên ngoài hình phạt chính cần phạt bổ sung mỗi bị cáo một khoản tiền nhất định để nộp ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo D.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M1 ghi hoàn trả 0,038 gam mẫu M1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M2 ghi hoàn trả 0,091 gam mẫu M2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M3 ghi hoàn trả vỏ bao gói mẫu M3; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu L1 ghi mẫu lưu kho; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu L2 ghi mẫu lưu kho; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu L3 ghi mẫu lưu kho;

01 phong bì niêm phong có dấu đỏ số 1032/KL-KTHS trên mép dán niêm phong có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị Thu Loan, Nguyễn Văn M và các dấu đỏ của Bộ Công an Viện Khoa học hình sự- mẫu vật hoàn trả sau giám định; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A6 ghi ống nhựa được dán kín một đầu thu giữ của Lương Uy T; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B ghi bật lửa màu đỏ, đã qua sử dụng thu giữ của Đàm Văn D; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B1 ghi bật lửa màu đỏ, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn H; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B2 ghi bật lửa màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đức A; - 01 hộp giấy niêm phong có dấu đỏ ký hiệu NC ghi 61 mảnh giấy bạc, 80 ống nước cất chưa qua sử dụng; 09 đoạn ống nhựa một đầu được dán kín; 01 hộp giấy niêm phong có dấu đỏ ký hiệu XL ghi 66 xi lAh chưa qua sử dụng. Đây là số ma túy và vật chứng thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định và các vỏ bao gói mẫu, là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nay cần tịch thu để tiêu hủy.

Số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo N quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tiền bị cáo N bán ma túy mà có, là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Số tiền 125.000 đồng thu giữ của bị cáo D xác định không liên quaA đến việc phạm tội lẽ ra cần trả lại cho bị cáo D tuy nhiên bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với số tiền 7.870.000đồng thu giữ của bị cáo N, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền trên không liên quaA đến việc mua bán trái phép chất ma túy và 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu D ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu mobell, màu đỏ, đã qua sử dụng, có lắp sim Itel thu giữ của bị cáo N không liên quaA đến việc phạm tội, lẽ ra cần trả lại cho bị cáo N tuy nhiên do bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu ĐT3 ghi 01 điện thoại di động Nokia, model 1280, màu đen, đã qua sử dụng, có lắp sim Viettel thu giữ của bị cáo D. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây không liên quaA đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo D.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng (niêm phong ký hiệu Đ4) và số tiền 4.300.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) (niêm phong ký hiệu T7). Thu giữ của Nguyễn Thị T vợ của bị cáo N. Quá trình điều tra xác định không liên quaA đến việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Thành là phù hợp.

[8]. Về án phí: Buộc các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quaA được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10]. Về các vấn đề khác: Đối với Lê Văn H, Nguyễn Đức A và Lương Uy T có hành vi mua ma túy của Nguyễn Văn N để sử dụng. Tuy nhiên, H và A đã sử dụng hết số ma túy Heroine đã mua của N, T chưa kịp sử dụng và đAg tàng trữ trên người 0,0607gam Heroine và Methamphetamine. Đối với Nguyễn Xuân B có hành vi tàng trữ 0,013 gam ma túy loại Heroine và Methamphetamine. Tại thời điểm bị phát hiện, T và Bình đều chưa bị xử lý hình sự và chưa bị xử lý hành chính về hành vi liên quan đến ma túy nên hành vi của T và Bình không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra sẽ tiến hành cảm hoá, giáo dục đối với Lê Văn H, Nguyễn Đức A, Lương Uy T và Nguyễn Xuân B là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị T (là vợ của Nguyễn Văn N), quá trình điều tra xác định việc N bán ma túy và chứa chấp các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại chỗ ở của N Thành không biết, không tham gia cùng N và không được hưởng lợi gì nên Cơ quA điều tra không xem xét xử lý đối với Thành là phù hợp.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của Nguyễn Xuân B, theo Bình khai Bình mua của một người N giới không quen biết khi người này đi qua nhà Bình tại khu vực tổ dân phố L 2, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Bình không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về nguồn gốc số ma túy N bán cho H, A, D, T. N khai mua của một người N giới tại khu vực Thanh Xuyên thuộc phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. N không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này, Cơ quA điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Đàm Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, Điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn N 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” .

Áp dụng điểm b,d khoản 2 Điều 256 , Điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn N 08 (tám) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” .

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo **Nguyễn Văn N** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/02/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 , Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Đàm Văn D** 17 (mười bảy) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/02/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam mỗi bị cáo Nguyễn Văn N, Đàm Văn D 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M1 ghi hoàn trả 0,038 gam mẫu M1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M2 ghi hoàn trả 0,091 gam mẫu M2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M3 ghi hoàn trả vỏ bao gói mẫu M3; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu L1 ghi mẫu lưu kho; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu L2 ghi mẫu lưu kho; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu L3 ghi mẫu lưu kho; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ số 1032/KL-KTHS trên mép dán niêm phong có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị Thu Loan, Nguyễn Văn M và các dấu đỏ của Bộ Công an Viện Khoa học hình sự- mẫu vật hoàn trả sau giám định; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A6 ghi ống nhựa được dán kín một đầu thu giữ của Lương Uy T; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B ghi bật lửa màu đỏ, đã qua sử dụng thu giữ của Đàm Văn D; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B1 ghi bật lửa màu đỏ, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn H; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu B2 ghi bật lửa màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đức A; - 01 hộp giấy niêm phong có dấu đỏ ký hiệu NC ghi 61 mảnh giấy bạc, 80 ống nước cất chưa qua sử dụng; 09 đoạn ống nhựa một đầu được dán kín; 01 hộp giấy niêm phong có dấu đỏ ký hiệu XL ghi 66 xi lanh chưa qua sử dụng.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo N;

- Tạm giữ số tiền 7.870.000đồng (bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) và 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu D ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu mobell, màu đỏ, đã qua sử dụng, có lắp sim Itelcủa thu giữ của bị cáo N để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 125.000đồng (một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) của bị cáo D để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo D 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu DT3 ghi 01 điện thoại di động Nokia, model 1280, màu đen, đã qua sử dụng, có lắp sim Viettel.

“Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công A thành phố PY với Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY ngày 14/08/2024 và uỷ nhiệm chỉ số 277 ngày 15/8/2024”.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn N và Đàm Văn D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà Nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quA vắng mặt báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAD tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công A thành phố PY;
- Chi cục THAD thành phố PY;
- UBND P TT;
- UBND P TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên)**

Hà Thị Thu Thủy